

ỦY BAN THƯỜNG VỤ QUỐC HỘI CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Nghị quyết số: 99/2025/UBTVQH15

NGHỊ QUYẾT

Ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Đoàn Hội thẩm

ỦY BAN THƯỜNG VỤ QUỐC HỘI

Căn cứ Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Nghị quyết số 203/2025/QH15;

Căn cứ Luật Tổ chức Tòa án nhân dân số 34/2024/QH15 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 81/2025/QH15;

Căn cứ Luật Mặt trận Tổ quốc Việt Nam số 75/2015/QH13 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 97/2025/QH15;

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Ban hành Quy chế

Ban hành kèm theo Nghị quyết này Quy chế tổ chức và hoạt động của Đoàn Hội thẩm.

Điều 2. Trách nhiệm thi hành

Tòa án nhân dân tối cao, Bộ Quốc phòng; Hội đồng nhân dân, Ban Thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh, thành phố; Tòa án nhân dân tỉnh, thành phố, Tòa án nhân dân khu vực; Tòa án quân sự trung ương, Tòa án quân sự quân khu và tương đương, Tòa án quân sự khu vực; Đoàn Hội thẩm; cơ quan, tổ chức, cá nhân liên quan có trách nhiệm thi hành Nghị quyết này.

Điều 3. Hiệu lực thi hành

- Nghị quyết này có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 10 năm 2025.
- Nghị quyết số 1213/2016/UBTVQH13 ngày 13 tháng 6 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Đoàn Hội thẩm hết hiệu lực từ ngày Nghị quyết này có hiệu lực thi hành.
- Hội thẩm nhân dân nhiệm kỳ 2021 - 2026 đang thực hiện nhiệm vụ xét xử tại Tòa án nhân dân tỉnh, thành phố, Tòa án nhân dân khu vực theo quy định tại khoản 7 Điều 3 của Nghị quyết số 225/2025/QH15 ngày 27 tháng 6 năm 2025 của Quốc hội tham gia sinh hoạt tại Đoàn Hội thẩm nhân dân tỉnh, thành phố, Đoàn Hội thẩm nhân dân khu vực nơi thực hiện nhiệm vụ xét xử cho đến hết nhiệm kỳ.

Tổ chức và hoạt động của Đoàn Hội thẩm nhân dân được thực hiện theo Quy chế ban hành kèm theo Nghị quyết này. 

Nghị quyết này được Ủy ban Thường vụ Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa XV thông qua ngày 25 tháng 9 năm 2025.

TM. ỦY BAN THƯỜNG VỤ QUỐC HỘI
CHỦ TỊCH



Trần Thanh Mẫn

QUY CHẾ

TỔ CHỨC VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA ĐOÀN HỘI THẨM

(Ban hành kèm theo Nghị quyết số 99/2025/UBTVQH15
ngày 25 tháng 9 năm 2025 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội)

Chương I

NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quy chế này quy định về tổ chức và hoạt động của Đoàn Hội thẩm (gồm Đoàn Hội thẩm nhân dân và Đoàn Hội thẩm quân nhân); mối quan hệ giữa Đoàn Hội thẩm với Hội thẩm; mối quan hệ giữa Đoàn Hội thẩm với cơ quan, tổ chức, cá nhân; trách nhiệm của cơ quan, tổ chức, đơn vị vũ trang nhân dân đối với Đoàn Hội thẩm; các điều kiện bảo đảm hoạt động của Đoàn Hội thẩm.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Quy chế này áp dụng đối với Đoàn Hội thẩm nhân dân, Đoàn Hội thẩm quân nhân, cơ quan, tổ chức, đơn vị vũ trang nhân dân và cá nhân có liên quan đến tổ chức và hoạt động của Đoàn Hội thẩm.

Điều 3. Tổ chức và nguyên tắc hoạt động

1. Đoàn Hội thẩm là hình thức tổ chức tự quản của các Hội thẩm, gồm có:

- Đoàn Hội thẩm nhân dân tỉnh, thành phố;
- Đoàn Hội thẩm nhân dân khu vực;
- Đoàn Hội thẩm quân nhân quân khu và tương đương;
- Đoàn Hội thẩm quân nhân khu vực.

2. Đoàn Hội thẩm hoạt động theo nguyên tắc dân chủ, công khai, minh bạch; Hội thẩm thực hiện nhiệm vụ xét xử ở Tòa án nào thì tham gia sinh hoạt tại Đoàn Hội thẩm nơi có Tòa án đó.

Chương II

ĐOÀN HỘI THẨM NHÂN DÂN

Điều 4. Tổ chức Đoàn Hội thẩm nhân dân

1. Đoàn Hội thẩm nhân dân bao gồm các Hội thẩm nhân dân được bầu để thực hiện nhiệm vụ xét xử tại mỗi Tòa án nhân dân tỉnh, thành phố (sau đây gọi là Tòa án nhân dân cấp tỉnh), Tòa án nhân dân khu vực.

2. Số lượng thành viên của mỗi Đoàn Hội thẩm nhân dân được xác định căn cứ vào số lượng Thẩm phán tại mỗi Tòa án.

Tại Tòa án nhân dân cấp tỉnh cứ 02 Thẩm phán thì có 03 Hội thẩm, nhưng tổng số Hội thẩm tại một Tòa án nhân dân cấp tỉnh không dưới 20 người và không quá 50 người, đối với Đoàn Hội thẩm nhân dân thành phố Hà Nội và Thành phố Hồ Chí Minh không quá 70 người.

Tại Tòa án nhân dân khu vực cứ 01 Thẩm phán thì có 02 Hội thẩm, nhưng tổng số Hội thẩm tại một Tòa án nhân dân khu vực không dưới 30 người và không quá 100 người.

3. Đoàn Hội thẩm nhân dân có Trưởng đoàn, Phó Trưởng đoàn và các Hội thẩm nhân dân là thành viên. Trưởng đoàn, Phó Trưởng đoàn Hội thẩm nhân dân được bầu trong số Hội thẩm nhân dân.

4. Số lượng Phó Trưởng đoàn Hội thẩm nhân dân được xác định theo quy mô Đoàn Hội thẩm nhân dân; dưới 30 Hội thẩm có 01 Phó Trưởng đoàn; từ 30 Hội thẩm trở lên có không quá 02 Phó Trưởng đoàn.

Điều 5. Trách nhiệm và quyền của Đoàn Hội thẩm nhân dân

1. Tổ chức để các Hội thẩm trao đổi kinh nghiệm xét xử, góp phần nâng cao trình độ nghiệp vụ, giữ gìn phẩm chất đạo đức của người Hội thẩm nhân dân.

2. Kiến nghị với cơ quan, tổ chức, cá nhân có thẩm quyền bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của Hội thẩm.

3. Tham gia ý kiến với Tòa án nhân dân nơi Hội thẩm nhân dân thực hiện nhiệm vụ xét xử về hoạt động của Hội thẩm khi có yêu cầu.

4. Thảo luận, tham gia ý kiến đối với các trường hợp khen thưởng, kỷ luật Hội thẩm.

5. Phối hợp với Tòa án nhân dân nơi Hội thẩm nhân dân thực hiện nhiệm vụ xét xử trong việc tập huấn, bồi dưỡng nghiệp vụ cho Hội thẩm.

6. Tham gia ý kiến đối với dự thảo các văn bản quy phạm pháp luật khi có yêu cầu.

7. Kiến nghị với cơ quan, tổ chức, đơn vị nơi Hội thẩm công tác hoặc làm việc tạo điều kiện để Hội thẩm thực hiện nhiệm vụ xét xử.

8. Đề xuất dự toán kinh phí hỗ trợ hoạt động của Đoàn Hội thẩm nhân dân.

9. Được cung cấp thông tin về tình hình kinh tế - xã hội ở địa phương; các văn bản, tài liệu liên quan đến tổ chức và hoạt động của Hội thẩm và Đoàn Hội thẩm khi có yêu cầu.

10. Tổ chức sơ kết, tổng kết định kỳ 06 tháng, 01 năm hoặc khi cần thiết và gửi báo cáo đến Hội đồng nhân dân, Ban Thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, Chánh án Tòa án nhân dân tỉnh, thành phố; chịu sự giám sát của Hội

đồng nhân dân và Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh, thành phố (sau đây gọi là cấp tỉnh).

Điều 6. Việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm và nhiệm kỳ của Trưởng đoàn, Phó Trưởng đoàn Hội thẩm nhân dân

1. Hội thẩm nhân dân có uy tín, kinh nghiệm làm công tác xét xử và điều kiện về thời gian làm việc thì có thể được bầu làm Trưởng đoàn, Phó Trưởng đoàn Hội thẩm nhân dân.

2. Thủ tục bầu Trưởng đoàn, Phó Trưởng đoàn Hội thẩm nhân dân được thực hiện như sau:

a) Sau khi bầu Hội thẩm nhiệm kỳ mới hoặc khi khuyết Trưởng đoàn, Phó Trưởng đoàn Hội thẩm nhân dân, Thường trực Hội đồng nhân dân cấp tỉnh chủ trì, phối hợp với Chánh án Tòa án nhân dân và Ban Thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cùng cấp tổ chức hội nghị toàn thể Hội thẩm nhân dân để các Hội thẩm bầu Trưởng đoàn, Phó Trưởng đoàn Hội thẩm nhân dân;

b) Việc bầu Trưởng đoàn, Phó Trưởng đoàn Hội thẩm nhân dân do hội nghị toàn thể Hội thẩm nhân dân quyết định, thực hiện biểu quyết bằng hình thức giơ tay hoặc bỏ phiếu kín. Người được bầu làm Trưởng đoàn, Phó Trưởng đoàn Hội thẩm nhân dân là người được biểu quyết tán thành hoặc đạt được số phiếu bầu cao nhất cho mỗi chức danh và phải được trên 50% tổng số Hội thẩm nhân dân tín nhiệm, tán thành;

c) Thường trực Hội đồng nhân dân cấp tỉnh công nhận kết quả bầu Trưởng đoàn, Phó Trưởng đoàn Hội thẩm nhân dân.

3. Trưởng đoàn, Phó Trưởng đoàn Hội thẩm nhân dân đương nhiên được miễn nhiệm, bị bãi nhiệm khi được miễn nhiệm, bị bãi nhiệm Hội thẩm nhân dân.

Trưởng đoàn, Phó Trưởng đoàn Hội thẩm nhân dân có thể được miễn nhiệm vì lý do sức khỏe, hoàn cảnh gia đình hoặc vì lý do chính đáng khác; có thể bị bãi nhiệm khi không hoàn thành nhiệm vụ hoặc vi phạm về phẩm chất đạo đức hoặc có hành vi vi phạm pháp luật.

4. Thủ tục miễn nhiệm, bãi nhiệm Trưởng đoàn, Phó Trưởng đoàn Hội thẩm nhân dân được thực hiện như sau:

a) Khi Trưởng đoàn, Phó Trưởng đoàn có đơn xin miễn nhiệm hoặc có ít nhất một phần ba tổng số thành viên Đoàn Hội thẩm nhân dân hoặc Ban Thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp tỉnh đề nghị bãi nhiệm Trưởng đoàn, Phó Trưởng đoàn Hội thẩm nhân dân, Thường trực Hội đồng nhân dân cấp tỉnh chủ trì, phối hợp với Chánh án Tòa án nhân dân và Ban Thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cùng cấp triệu tập hội nghị toàn thể Hội thẩm nhân dân để xem xét việc miễn nhiệm, bãi nhiệm;

b) Việc miễn nhiệm, bãi nhiệm Trưởng đoàn, Phó Trưởng đoàn Hội thẩm nhân dân do hội nghị toàn thể Hội thẩm nhân dân quyết định, thực hiện bằng hình thức giơ tay hoặc bỏ phiếu kín. Trưởng đoàn, Phó Trưởng đoàn Hội thẩm

nhân dân được miễn nhiệm hoặc bị bãi nhiệm khi có trên 50% tổng số Hội thẩm nhân dân nhất trí tán thành;

c) Thường trực Hội đồng nhân dân cấp tỉnh công nhận kết quả miễn nhiệm, bãi nhiệm Trưởng đoàn, Phó Trưởng đoàn Hội thẩm nhân dân.

5. Nhiệm kỳ của Trưởng đoàn, Phó Trưởng đoàn Hội thẩm nhân dân theo nhiệm kỳ của Hội thẩm nhân dân.

Điều 7. Trách nhiệm và quyền của Trưởng đoàn, Phó Trưởng đoàn Hội thẩm nhân dân

1. Trưởng đoàn Hội thẩm nhân dân có trách nhiệm và quyền sau đây:

a) Triệu tập và chủ trì các cuộc họp, hội nghị, hội thảo, tọa đàm của Đoàn Hội thẩm nhân dân;

b) Đại diện Đoàn Hội thẩm nhân dân và giữ mối liên hệ của Đoàn Hội thẩm nhân dân trong quan hệ với Thường trực Hội đồng nhân dân, Ban Thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, Tòa án nhân dân cấp tỉnh, Tòa án nhân dân nơi Hội thẩm thực hiện nhiệm vụ xét xử và các cơ quan, tổ chức có liên quan;

c) Tham dự các kỳ họp của Hội đồng nhân dân cấp tỉnh khi được mời;

d) Tổ chức sơ kết, tổng kết công tác của Đoàn Hội thẩm nhân dân;

đ) Trao đổi ý kiến với Chánh án Tòa án nhân dân nơi Hội thẩm thực hiện nhiệm vụ xét xử về việc phân công Hội thẩm nhân dân tham gia hoạt động xét xử, bảo đảm phù hợp với yêu cầu xét xử vụ án theo yêu cầu của Chánh án Tòa án nhân dân;

e) Tổng hợp ý kiến, kiến nghị của Hội thẩm nhân dân về các vấn đề có liên quan đến hoạt động của Hội thẩm và đề nghị cơ quan có thẩm quyền giải quyết;

g) Ủy nhiệm cho một Phó Trưởng đoàn thực hiện công việc của Trưởng đoàn khi Trưởng đoàn vắng mặt.

2. Phó Trưởng đoàn Hội thẩm nhân dân giúp Trưởng đoàn thực hiện các công việc theo sự phân công của Trưởng đoàn; thực hiện các công việc của Trưởng đoàn khi được Trưởng đoàn ủy nhiệm.

Điều 8. Trách nhiệm của Hội thẩm nhân dân

1. Thực hiện các hoạt động của Đoàn Hội thẩm nhân dân theo sự phân công của Trưởng đoàn; thông báo kết quả việc thực hiện cho Trưởng đoàn biết; giữ mối liên hệ thường xuyên với Đoàn Hội thẩm nhân dân thông qua Trưởng đoàn.

2. Kịp thời thông báo cho Chánh án Tòa án nhân dân nơi thực hiện nhiệm vụ xét xử, Trưởng đoàn Hội thẩm nhân dân nếu phát hiện có hành vi vi phạm pháp luật của cơ quan, tổ chức, cá nhân trong quá trình thực hiện nhiệm vụ.

3. Khi có sự thay đổi vị trí, nơi công tác, làm việc hoặc nơi cư trú thì phải kịp thời thông báo với Trưởng đoàn Hội thẩm nhân dân và Chánh án Tòa án nhân dân. Trường hợp vì lý do khách quan, chính đáng mà không thể thực hiện

được nhiệm vụ xét xử của Hội thẩm, thì phải thông báo ngay với Trưởng đoàn và Chánh án Tòa án nhân dân nơi Hội thẩm thực hiện nhiệm vụ xét xử biết.

Điều 9. Mọi quan hệ giữa Đoàn Hội thẩm nhân dân với Thường trực Hội đồng nhân dân, Ban Thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và Tòa án nhân dân

1. Đoàn Hội thẩm nhân dân thường xuyên giữ mối liên hệ với Thường trực Hội đồng nhân dân, Ban Thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp tỉnh và Tòa án nhân dân nơi Hội thẩm nhân dân thực hiện nhiệm vụ xét xử; Đoàn Hội thẩm nhân dân khu vực còn giữ mối liên hệ với Tòa án nhân dân cấp tỉnh.

2. Đoàn Hội thẩm nhân dân có trách nhiệm báo cáo bằng văn bản với Thường trực Hội đồng nhân dân, Ban Thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp tỉnh về hoạt động của Đoàn Hội thẩm theo định kỳ 06 tháng, 01 năm hoặc khi có yêu cầu.

Chương III

ĐOÀN HỘI THẨM QUÂN NHÂN

Điều 10. Tổ chức Đoàn Hội thẩm quân nhân

1. Đoàn Hội thẩm quân nhân bao gồm các Hội thẩm quân nhân được cử để thực hiện nhiệm vụ xét xử tại Tòa án quân sự quân khu và tương đương (sau đây gọi là Tòa án quân sự cấp quân khu), Tòa án quân sự khu vực.

2. Số lượng thành viên của Đoàn Hội thẩm quân nhân được xác định căn cứ vào số lượng Thẩm phán tại mỗi Tòa án quân sự. Cứ 01 Thẩm phán thì có 02 Hội thẩm, nhưng tổng số Hội thẩm tại một Tòa án quân sự không dưới 10 người và không quá 30 người.

3. Đoàn Hội thẩm quân nhân có Trưởng đoàn, 01 Phó Trưởng đoàn và các Hội thẩm quân nhân là thành viên.

Điều 11. Trách nhiệm và quyền của Đoàn Hội thẩm quân nhân

1. Tổ chức để các Hội thẩm trao đổi kinh nghiệm xét xử, góp phần nâng cao trình độ nghiệp vụ, giữ gìn phẩm chất đạo đức của người Hội thẩm quân nhân.

2. Kiến nghị với cơ quan, tổ chức, cá nhân có thẩm quyền bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của Hội thẩm.

3. Tham gia ý kiến với Tòa án quân sự nơi Hội thẩm quân nhân thực hiện nhiệm vụ xét xử về hoạt động của Hội thẩm khi có yêu cầu.

4. Thảo luận, tham gia ý kiến đối với các trường hợp khen thưởng, kỷ luật Hội thẩm.

5. Phối hợp với Tòa án quân sự nơi Hội thẩm quân nhân thực hiện nhiệm vụ xét xử trong việc tập huấn, bồi dưỡng nghiệp vụ cho Hội thẩm.

6. Tham gia ý kiến đối với dự thảo các văn bản quy phạm pháp luật khi có yêu cầu.

7. Kiến nghị với đơn vị nơi Hội thẩm công tác hoặc làm việc tạo điều kiện để Hội thẩm thực hiện nhiệm vụ xét xử.

8. Đề xuất dự toán kinh phí hỗ trợ hoạt động của Đoàn Hội thẩm quân nhân gửi Tòa án quân sự nơi Hội thẩm quân nhân thực hiện nhiệm vụ xét xử để tổng hợp, lập dự toán và báo cáo theo quy định.

9. Được cung cấp các văn bản, tài liệu liên quan đến tổ chức và hoạt động của Hội thẩm và Đoàn Hội thẩm khi có yêu cầu.

10. Tổ chức sơ kết, tổng kết định kỳ 06 tháng, 01 năm hoặc khi cần thiết và gửi báo cáo đến Chủ nhiệm chính trị quân khu, quân chủng, tổng cục hoặc cấp tương đương nơi có Tòa án quân sự, Chánh án Tòa án quân sự.

Điều 12. Việc cử, miễn nhiệm, bãi nhiệm Trưởng đoàn, Phó Trưởng đoàn Hội thẩm quân nhân

1. Hội thẩm quân nhân có uy tín, kinh nghiệm làm công tác xét xử thì có thể được cử làm Trưởng đoàn, Phó Trưởng đoàn Hội thẩm quân nhân.

2. Chủ nhiệm chính trị quân khu, quân chủng, tổng cục hoặc cấp tương đương nơi có Tòa án quân sự cử Trưởng đoàn, Phó Trưởng đoàn Hội thẩm quân nhân trong số các Hội thẩm quân nhân theo đề nghị của Chánh án Tòa án quân sự.

3. Trưởng đoàn, Phó Trưởng đoàn Hội thẩm quân nhân đương nhiên được miễn nhiệm, bị bãi nhiệm khi được miễn nhiệm, bị bãi nhiệm Hội thẩm quân nhân.

Trưởng đoàn, Phó Trưởng đoàn Hội thẩm quân nhân có thể được miễn nhiệm vì lý do sức khỏe, hoàn cảnh gia đình hoặc vì lý do chính đáng khác; có thể bị bãi nhiệm khi không hoàn thành nhiệm vụ hoặc vi phạm về phẩm chất đạo đức hoặc có hành vi vi phạm pháp luật.

Chánh án Tòa án quân sự đề nghị Chủ nhiệm chính trị quân khu, quân chủng, tổng cục hoặc cấp tương đương nơi có Tòa án quân sự ra quyết định miễn nhiệm, bãi nhiệm Trưởng đoàn, Phó Trưởng đoàn Hội thẩm quân nhân.

Điều 13. Trách nhiệm và quyền của Trưởng đoàn, Phó Trưởng đoàn Hội thẩm quân nhân

1. Trưởng đoàn Hội thẩm quân nhân có trách nhiệm và quyền sau đây:

a) Triệu tập và chủ trì các cuộc họp, hội nghị, hội thảo, tọa đàm của Đoàn Hội thẩm quân nhân;

b) Giữ mối liên hệ và đại diện cho Đoàn Hội thẩm quân nhân trong quan hệ với Chủ nhiệm chính trị quân khu, quân chủng, tổng cục hoặc cấp tương đương, thủ trưởng đơn vị nơi công tác của Hội thẩm, Hội đồng quân nhân nơi Hội thẩm sinh hoạt, Tòa án quân sự nơi Hội thẩm quân nhân thực hiện nhiệm vụ xét xử và các cơ quan, tổ chức có liên quan;

c) Trao đổi ý kiến với Chánh án Tòa án quân sự nơi Hội thẩm quân nhân thực hiện nhiệm vụ xét xử về việc phân công Hội thẩm quân nhân tham gia hoạt

động xét xử, bảo đảm phù hợp với yêu cầu xét xử vụ án theo yêu cầu của Chánh án Tòa án quân sự;

d) Tổ chức sơ kết, tổng kết công tác của Đoàn Hội thẩm quân nhân;

đ) Tổng hợp ý kiến, kiến nghị của Hội thẩm quân nhân về các vấn đề có liên quan đến hoạt động của Hội thẩm và đề nghị cơ quan có thẩm quyền giải quyết;

e) Ủy nhiệm cho một Phó Trưởng đoàn thực hiện công việc của Trưởng đoàn khi Trưởng đoàn vắng mặt.

2. Phó Trưởng đoàn Hội thẩm quân nhân giúp Trưởng đoàn thực hiện các công việc theo sự phân công của Trưởng đoàn; thực hiện các công việc của Trưởng đoàn khi được Trưởng đoàn ủy nhiệm.

Điều 14. Trách nhiệm của Hội thẩm quân nhân

1. Thực hiện các hoạt động của Đoàn Hội thẩm theo sự phân công của Trưởng đoàn; thông báo kết quả việc thực hiện cho Trưởng đoàn biết; giữ mối liên hệ thường xuyên với Đoàn Hội thẩm quân nhân thông qua Trưởng đoàn.

2. Kịp thời thông báo cho Chánh án Tòa án quân sự nơi Hội thẩm quân nhân thực hiện nhiệm vụ xét xử, Trưởng đoàn Hội thẩm quân nhân nếu phát hiện có hành vi vi phạm pháp luật của cơ quan, tổ chức, cá nhân trong quá trình thực hiện nhiệm vụ.

3. Khi có sự thay đổi vị trí, nơi công tác, làm việc hoặc nơi cư trú thì phải kịp thời thông báo với Trưởng đoàn Hội thẩm quân nhân và Chánh án Tòa án quân sự nơi Hội thẩm quân nhân thực hiện nhiệm vụ xét xử. Trường hợp vì lý do khách quan, chính đáng mà không thể thực hiện được nhiệm vụ xét xử của Hội thẩm, thì phải thông báo ngay với Trưởng đoàn và Chánh án Tòa án quân sự nơi Hội thẩm quân nhân thực hiện nhiệm vụ xét xử biết.

Điều 15. Mối quan hệ giữa Đoàn Hội thẩm quân nhân với cơ quan chính trị quân khu, quân chủng, tổng cục hoặc cấp tương đương và Tòa án quân sự

1. Đoàn Hội thẩm quân nhân thường xuyên giữ mối liên hệ với cơ quan chính trị quân khu, quân chủng, tổng cục hoặc cấp tương đương và Tòa án quân sự nơi Hội thẩm quân nhân thực hiện nhiệm vụ xét xử.

2. Định kỳ 06 tháng, 01 năm hoặc khi có yêu cầu, Đoàn Hội thẩm quân nhân có trách nhiệm báo cáo bằng văn bản với cơ quan chính trị quân khu, quân chủng, tổng cục hoặc cấp tương đương về hoạt động của Đoàn Hội thẩm quân nhân.

Chương IV

TRÁCH NHIỆM CỦA CƠ QUAN, TỔ CHỨC, CÁ NHÂN ĐỐI VỚI HOẠT ĐỘNG CỦA ĐOÀN HỘI THẨM

Điều 16. Trách nhiệm của Hội đồng nhân dân cấp tỉnh

1. Giám sát hoạt động của Đoàn Hội thẩm nhân dân tỉnh, thành phố, Đoàn Hội thẩm nhân dân khu vực.

2. Thường trực Hội đồng nhân dân cấp tỉnh có trách nhiệm chủ trì, phối hợp với Chánh án Tòa án nhân dân, Ban Thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cùng cấp tổ chức bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Trưởng đoàn, Phó Trưởng đoàn Hội thẩm nhân dân tỉnh, thành phố, Trưởng đoàn, Phó Trưởng đoàn Hội thẩm nhân dân khu vực theo quy định tại khoản 2, khoản 4 Điều 6, điểm a khoản 1 Điều 18 và khoản 1 Điều 19 của Quy chế này.

3. Xem xét, quyết định hỗ trợ kinh phí hoạt động cho Đoàn Hội thẩm nhân dân và kinh phí tập huấn, bồi dưỡng nghiệp vụ cho Hội thẩm nhân dân quy định tại khoản 2 Điều 133 của Luật Tổ chức Tòa án nhân dân và quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước.

Điều 17. Trách nhiệm của Bộ Quốc phòng, cơ quan chính trị quân khu, quân chủng, tổng cục hoặc cấp tương đương

1. Hằng năm, Bộ Quốc phòng phối hợp với Tòa án nhân dân tối cao lập dự toán kinh phí hỗ trợ hoạt động của các Đoàn Hội thẩm quân nhân trong dự toán kinh phí hoạt động của Tòa án quân sự, đề nghị Chính phủ trình Quốc hội quyết định.

2. Cơ quan chính trị quân khu, quân chủng, tổng cục hoặc cấp tương đương nơi có Tòa án quân sự có trách nhiệm kiểm tra hoạt động, hỗ trợ phương tiện làm việc cho Đoàn Hội thẩm quân nhân.

Điều 18. Trách nhiệm của Tòa án nhân dân và Tòa án quân sự

1. Trách nhiệm của Tòa án nhân dân cấp tỉnh, Tòa án nhân dân khu vực:

a) Chánh án Tòa án nhân dân cấp tỉnh phối hợp với Thường trực Hội đồng nhân dân, Ban Thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cùng cấp tổ chức bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Trưởng đoàn, Phó Trưởng đoàn Hội thẩm nhân dân tỉnh, thành phố, Trưởng đoàn, Phó Trưởng đoàn Hội thẩm nhân dân khu vực;

b) Giữ mối liên hệ với Đoàn Hội thẩm nhân dân tỉnh, thành phố, Đoàn Hội thẩm nhân dân khu vực;

c) Xem xét, giải quyết các kiến nghị của Đoàn Hội thẩm nhân dân; xem xét, giải quyết kiến nghị của Trưởng đoàn Hội thẩm nhân dân về việc phân công Hội thẩm nhân dân tham gia xét xử;

d) Hằng năm, phối hợp với Đoàn Hội thẩm nhân dân lập dự toán kinh phí hỗ trợ hoạt động của Đoàn Hội thẩm nhân dân. Tòa án nhân dân cấp tỉnh tổng hợp, lập dự toán kinh phí hỗ trợ hoạt động của Đoàn Hội thẩm nhân dân gửi cơ quan có thẩm quyền theo quy định của pháp luật;

đ) Thực hiện việc quản lý, thanh toán, quyết toán kinh phí hỗ trợ hoạt động của Đoàn Hội thẩm nhân dân;

e) Bảo đảm các điều kiện hoạt động, bố trí phòng làm việc cho Đoàn Hội thẩm nhân dân; hướng dẫn, kiểm tra việc sử dụng kinh phí hỗ trợ hoạt động của Đoàn Hội thẩm nhân dân theo quy định của pháp luật.

2. Trách nhiệm của Tòa án quân sự cấp quân khu và Tòa án quân sự khu vực:

a) Chánh án Tòa án quân sự đề nghị Chủ nhiệm chính trị quân khu, quân chủng, tổng cục hoặc cấp tương đương cử, miễn nhiệm, bãi nhiệm Trưởng đoàn, Phó Trưởng đoàn Hội thẩm quân nhân;

b) Giữ mối liên hệ với Đoàn Hội thẩm quân nhân;

c) Chánh án Tòa án quân sự xem xét, giải quyết các kiến nghị của Đoàn Hội thẩm quân nhân; xem xét, giải quyết kiến nghị của Trưởng đoàn Hội thẩm quân nhân về việc phân công Hội thẩm quân nhân tham gia xét xử;

d) Hằng năm, phối hợp với Đoàn Hội thẩm quân nhân lập dự toán kinh phí hỗ trợ hoạt động của Đoàn Hội thẩm quân nhân. Tòa án quân sự cấp quân khu tổng hợp, lập dự toán kinh phí hỗ trợ hoạt động của Đoàn Hội thẩm quân nhân báo cáo Tòa án quân sự trung ương để trình Bộ Quốc phòng theo quy định;

đ) Thực hiện việc quản lý, thanh toán, quyết toán kinh phí hỗ trợ hoạt động của Đoàn Hội thẩm quân nhân;

e) Chánh án Tòa án quân sự bảo đảm các điều kiện hoạt động, bố trí phòng làm việc cho Đoàn Hội thẩm quân nhân, hướng dẫn, kiểm tra việc sử dụng kinh phí hỗ trợ hoạt động của Đoàn Hội thẩm quân nhân theo quy định của pháp luật.

3. Trách nhiệm của Tòa án nhân dân tối cao:

Hằng năm, Tòa án nhân dân tối cao có trách nhiệm tổng hợp dự toán kinh phí hỗ trợ hoạt động của các Đoàn Hội thẩm quân nhân dân trong tổng dự toán kinh phí hoạt động của Tòa án nhân dân các cấp, đề nghị Chính phủ trình Quốc hội quyết định theo quy định của pháp luật. Trên cơ sở kinh phí được giao, Tòa án nhân dân tối cao phân bổ kinh phí hỗ trợ hoạt động của các Đoàn Hội thẩm quân nhân dân.

Điều 19. Trách nhiệm của Ban Thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp tỉnh

1. Phối hợp với Thường trực Hội đồng nhân dân, Chánh án Tòa án nhân dân cấp tỉnh trong việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Trưởng đoàn, Phó Trưởng đoàn Hội thẩm quân nhân dân.

2. Phối hợp với Hội đồng nhân dân cấp tỉnh giám sát hoạt động của Đoàn Hội thẩm quân nhân dân.

3. Tham dự Hội nghị sơ kết, tổng kết công tác của Đoàn Hội thẩm quân nhân dân.

Điều 20. Trách nhiệm của cơ quan, tổ chức, đơn vị, cá nhân

Trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ của mình, các cơ quan, tổ chức, đơn vị, cá nhân có trách nhiệm giúp đỡ và tạo điều kiện thuận lợi để Đoàn Hội thẩm hoạt động.

Chương V

CÁC ĐIỀU KIỆN BẢO ĐẢM CHO HOẠT ĐỘNG CỦA ĐOÀN HỘI THẨM

Điều 21. Kinh phí hỗ trợ hoạt động của Đoàn Hội thẩm

1. Kinh phí hỗ trợ hoạt động của Đoàn Hội thẩm bao gồm kinh phí tổ chức hội nghị, hội thảo, tọa đàm để thực hiện trách nhiệm và quyền của Đoàn

Hội thẩm theo quy định tại Điều 5, Điều 11 và phụ cấp hoạt động hằng tháng đối với Trưởng đoàn, Phó Trưởng đoàn Hội thẩm quy định tại Điều 22 của Quy chế này.

Kinh phí hỗ trợ hoạt động của Đoàn Hội thẩm do ngân sách nhà nước bảo đảm, được bố trí thành mục riêng trong kinh phí hoạt động của Tòa án nhân dân, Tòa án quân sự nơi Hội thẩm thực hiện nhiệm vụ xét xử.

2. Việc quản lý, sử dụng kinh phí hỗ trợ hoạt động của Đoàn Hội thẩm được thực hiện theo quy định của pháp luật.

Điều 22. Phụ cấp hoạt động của Trưởng đoàn, Phó Trưởng đoàn Hội thẩm

Trưởng đoàn Hội thẩm nhân dân, Trưởng đoàn Hội thẩm quân nhân được hưởng phụ cấp hoạt động hằng tháng bằng 40% mức lương cơ sở. Phó Trưởng đoàn Hội thẩm nhân dân, Phó Trưởng đoàn Hội thẩm quân nhân được hưởng phụ cấp hoạt động hằng tháng bằng 30% mức lương cơ sở. 

TM. ỦY BAN THƯỜNG VỤ QUỐC HỘI
CHỦ TỊCH



Trần Thanh Mẫn